TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B , TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Trần Đức Hòa.
2. Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B , tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu TR, sinh năm 1991. (Xin vắng mặt).
HKTT: Tổ 1, khóm 5, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Anh Giang.
2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt).
Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thu TR trình bày:*** Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, anh T thường hay uống rượu rồi về kiếm chuyện, chửi bới và đánh đập chị từ đó hai bên sống ly thân. Anh T về sinh

sống tại khu thị trấn ĐP, còn chị đi làm công nhân ở Bình Dương. Quá trình sống ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn, cũng không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc gia đình đứng ra hòa giải. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Chị và anh Huỳnh Văn T có 02 con chung là Huỳnh Thanh TR1, sinh ngày 08/02/2008 và Huỳnh Thanh L, sinh ngày 09/12/2009. Từ khi sống ly thân chị nuôi dưỡng cháu L, còn anh T nuôi dưỡng cháu TR1. Chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu L; giao cháu TR1 cho anh T nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Chị và anh Huỳnh Văn T không có tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T không muốn hợp tác với Tòa án khi làm thủ tục ly hôn, vì vậy chị đề nghị Tòa án không tiến hành các thủ tục hòa giải mà sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định và xin được giải quyết vắng mặt theo thủ tục giải quyết vụ việc do ở xa, không có điều kiện đi lại.

* *Bị đơn anh T qua lời khai trình bày:* Xác nhận về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn như nguyên đơn chị Phạm Thị Thu TR trình bày là đúng. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài và đã sống ly thân, không thể hàn gắn nên cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Xác nhận có 02 con chung là đúng và thống nhất với ý kiến chị TR về nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung. Do hai bên không nói chuyện B với nhau nên cũng đề nghị từ chối hòa giải và đến Tòa án làm việc, đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết các đương sự có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị TR: Hội đồng xét xử thấy chị TR và anh T thống nhất được với nhau toàn bộ những tranh chấp trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết các đương sự từ chối đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa nên không có cơ sở ghi nhận mà cần xét xử theo quy định, cụ thể:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị TR tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân; đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Vì vậy, qua hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000, hiện nay là Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Hai bên xác nhận đã mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân trong thời gian dài, không yêu cầu chính quyền địa phương hoặc hai bên gia đình tổ chức hòa giải mâu thuẫn mà đều có nguyện vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân. Quá trình giải quyết các bên đều thống nhất ly hôn nhưng không đến tham gia hòa giải mà đề nghị không tiến hành hòa giải và từ chối tham gia hòa giải. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị TR và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của chị TR là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai các đương sự và ý kiến con chưa thành niên thể hiện anh T và chị TR có 02 con chung là Huỳnh Thanh TR1, sinh ngày 08/02/2008 và Huỳnh Thanh L, sinh ngày 09/12/2009. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị TR trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thanh L, còn anh T nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thanh TR1.

Hai bên thống nhất về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung và phù hợp với nguyện vọng các con chung, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TR. Các bên có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị

Phạm Thị Thu TR đối với bị đơn anh Huỳnh Văn T; chị Phạm Thị Thu TR được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thanh L, sinh ngày 09/12/2009 cho chị Phạm Thị Thu TR trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Giao con chung Huỳnh Thanh TR1, sinh ngày 08/02/2008 cho anh Huỳnh Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu TR phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000882 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B ;
- CCTHADS huyện B ;
- UBND thị trấn TT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình